

BỘ TÀI CHÍNH**THÔNG TƯ số 89/2003/TT-BTC
ngày 17/9/2003 quy định chế
độ thu, nộp và quản lý sử dụng
lệ phí cấp giấy phép hoạt động
điện lực.**

*Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày
28/8/2001;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP
ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và
lệ phí;*

*Để thực hiện quản lý nhà nước về
hoạt động điện lực sau khi có ý kiến của
Bộ Công nghiệp, Bộ Tài chính hướng
dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng
lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực
như sau:*

**I. ĐỐI TƯỢNG THU VÀ
MỨC THU**

**1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước
ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm
quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực
quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3
Chương I Nghị định số 45/2001/NĐ-CP
ngày 02/8/2001 của Chính phủ về hoạt
động điện lực và sử dụng điện phải nộp lệ
phí theo quy định tại Thông tư này.**

Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký

kết hoặc tham gia có quy định khác thì
thực hiện theo quy định tại Điều ước đó.

**2. Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt
động điện lực được quy định tại phụ lục
kèm theo Thông tư này. Trường hợp gia
hạn giấy phép hoạt động điện lực thì thu
bằng 50% mức thu quy định tương ứng.**

**3. Lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện
lực thu bằng Đồng Việt Nam. Trường
hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu
cầu nộp lệ phí bằng ngoại tệ thì thu bằng
Đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá giao dịch
bình quân trên thị trường ngoại tệ liên
ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt
Nam công bố tại thời điểm thu tiền;**

**II. TỔ CHỨC THU, NỘP VÀ
QUẢN LÝ SỬ DỤNG**

**1. Bộ Công nghiệp, Ủy ban nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện
lực có trách nhiệm:**

a) Niêm yết công khai mức thu lệ phí
tại trụ sở cơ quan nơi thu lệ phí.

b) Khi thu tiền lệ phí phải cấp cho
người nộp tiền biên lai thu tiền do Bộ Tài
chính (Tổng cục Thuế) phát hành. Biên
lai nhận tại Cục Thuế địa phương nơi cơ
quan thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động
điện lực đóng trụ sở và được quản lý sử
dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Thực hiện đăng ký, kê khai, thu,
nộp, quyết toán tiền lệ phí theo quy định
tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày

24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

2. Cơ quan thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực được trích để lại 75% trên tổng số tiền lệ phí thực thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho công việc thu lệ phí, theo nội dung cụ thể sau đây:

- Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thu lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công vụ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu lệ phí;

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên thẩm định và thu lệ phí trong đơn vị. Mức trích 2 Quỹ khen thưởng, phúc lợi bình quân 1 năm, một người tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và bằng 2 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn năm trước.

Toàn bộ số tiền lệ phí được trích theo quy định trên đây, cơ quan thu lệ phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định và quyết toán năm; nếu sử dụng không hết trong năm thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

3. Tổng số tiền lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực thu được sau khi trừ

số được trích để lại theo tỷ lệ 75% quy định tại điểm 2 Mục này, số còn lại 25% cơ quan thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực phải nộp vào ngân sách nhà nước chương, loại, khoản tương ứng, mục 046 Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành theo thủ tục và thời hạn quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

4. Hàng năm, căn cứ mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực, nội dung chi hướng dẫn tại Thông tư này và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, cơ quan thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực lập dự toán thu - chi tiền lệ phí chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành, gửi cơ quan Tài chính đồng cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện quyết toán lệ phí cùng thời gian với việc quyết toán ngân sách nhà nước. Hàng năm cơ quan thu lệ phí thực hiện quyết toán việc sử dụng biên lai thu lệ phí, số tiền lệ phí thu được, số để lại cho đơn vị, số phải nộp ngân sách, số đã nộp và số còn phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế; quyết toán việc sử dụng số tiền được trích để lại với cơ quan tài chính đồng cấp theo đúng quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định về lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Sở Tài chính - Vật giá, Cục Thuế các tỉnh, thành phố, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực và đối tượng nộp lệ phí có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC
(ban hành kèm theo Thông tư số 89/2003/TT-BTC ngày 17/9/2003 của Bộ Tài chính).

Đơn vị tính: đồng

| Số thứ tự | Đối tượng nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực | Mức thu |
|-----------|--|-----------|
| I | Loại giấy phép do Bộ Công nghiệp cấp | |
| 1 | Tư vấn quy hoạch, thiết kế, giám sát và các hình thức tư vấn khác đối với dự án, công trình điện | 2.200.000 |
| 2 | Quản lý và vận hành nhà máy điện | 3.600.000 |
| 3 | Truyền tải điện; Phân phối điện | 3.400.000 |
| II | Loại giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp | |
| 1 | Tư vấn quy hoạch, thiết kế, giám sát và các hình thức tư vấn khác đối với dự án, công trình điện | 700.000 |
| 2 | Quản lý và vận hành nhà máy điện | 700.000 |
| 3 | Phân phối và kinh doanh điện | 700.000 |